

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2025
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh của các toà nhà dịch vụ và thương mại tổng hợp 1, nhà điều hành, nhà dịch vụ thương mại tổng hợp 2, nhà showroom và dịch vụ, nhà dịch vụ và kho, nhà kinh doanh và dịch vụ, nhà kho 1, nhà kho 2, nhà kho 3, nhà kho 4).

- Nguồn số 02: Nước rửa chân tay, rửa sàn.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu nhà hàng, cà phê.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu dịch vụ bảo dưỡng ô tô (hoạt động rửa xe, rửa sàn, sửa chữa tại nhà dịch vụ và thương mại tổng hợp 2).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Cống thoát nước phía Nam dự án tại phường Hưng Lộc, thành phố Nam Định.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) được thải vào cống thoát nước phía Nam dự án qua 01 cửa xả.

- Tọa độ vị trí xả thải $X(m) = 2261457$; $Y(m) = 566580$ (hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải (từ 04 nguồn) được thu gom bằng đường ống D110, ống D200 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất công suất thiết kế $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi chảy ra cống thoát nước phía Nam dự án qua 01 cửa xả bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{\max} = C$, cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C _{max}		
1	Lưu lượng nước thải đầu ra	m ³ /h	-	-		
2	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9	06 tháng/ lần theo đề nghị và cam kết của Chủ dự án	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	50		
4	COD	mg/l	150	150		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	100		
6	Tổng Nitơ (N)	mg/l	40	40		
7	Tổng Photpho (P)	mg/l	6	6		
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10		
9	Clo dư	mg/l	2	2		
10	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10		
11	Sunfua	mg/l	0,5	0,5		
12	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

Từ nguồn số 02 - nguồn số 03: Nước thải từ khu vực rửa tay chân, rửa sàn và nước thải từ khu nhà hàng, cà phê được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sau đó thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu dịch vụ bảo dưỡng ô tô được dẫn xử lý sơ bộ được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo đường ống D200 chảy ra cống thoát nước phía Nam dự án của phường Hưng Lộc, thành phố Nam Định qua

01 điểm xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ

+ Nước thải sinh hoạt các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua 11 bể tự hoại với tổng thể tích 83 m³ sau đó thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ khu nhà hàng, cà phê được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ thể tích 06 m³ sau đó thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ khu dịch vụ bảo dưỡng ô tô (hoạt động rửa xe, rửa sàn, sửa chữa tại nhà dịch vụ và thương mại tổng hợp 2) xử lý sơ bộ qua 02 bể tách dầu tổng thể tích 5,18 m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra cống thoát nước phía Nam dự án của phường Hưng Lộc, thành phố Nam Định.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng lọc → Bể khử trùng → Hồ ga (Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) → Cống thoát nước có sẵn phía Nam dự án qua 01 cửa xả.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC khoảng 50 kg/năm; Cloramin B khoảng 30 kg/năm; Polymer khoảng 60 kg/năm; men vi sinh khoảng 20 kg/ năm; chế phẩm sinh học Bio- Em khoảng 20 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố: Chủ dự án dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, cử cán bộ kiểm tra xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục đảm bảo nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) mới cho hệ thống hoạt động trở lại và tiếp tục xả nước thải ra cống thoát nước phía Nam dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng từ Quý I/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm
Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hồ ga sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm trước khi chảy vào cống thoát nước phía Nam dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tần suất lấy mẫu quan trắc nước thải: Ít nhất 01 lần/ngày (01 mẫu đầu vào tại bể thu gom và 01 mẫu đầu ra tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm trước khi chảy ra cống thoát nước phía Nam dự án trong 3 ngày liên tiếp) (quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.3 phần A Phụ lục này. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra, lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.